



**QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-05

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 1/12

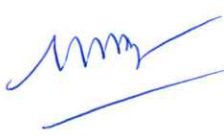
1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo.
3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mã số khác với bản này phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	NƠI NHẬN	TT	NƠI NHẬN
☐	Chi cục trưởng	☐	Trạm KĐĐV Cảng Biển
☐	Phó Chi cục trưởng	☐	Trạm KĐĐV Sân bay Tân Sơn Nhất
☐	P. Tổng hợp	☐	Trạm KĐĐV Sân bay Long Thành
☐	P. Chăn nuôi và Thú y	☐	Trạm KĐĐV Mộc Bài và Bình Hiệp

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi
01	27/10/2025	Bổ sung Mục “6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN” Điều chỉnh Mục “6. HỒ SƠ LƯU” thành Mục “7. HỒ SƠ LƯU”
02	15/4/2026	Cập nhật Mục “3. TÀI LIỆU THAM KHẢO”; Mục “5.1.1.1.2. Kiểm tra hồ sơ và nội dung kiểm tra”; Mục “5.1.2.1.2. Kiểm tra hồ sơ và nội dung kiểm tra”; Mục “6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN”

	Soạn thảo/ sửa đổi	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	Kiểm dịch viên chính	Phó Chi cục trưởng	Chi cục trưởng
Chữ ký		 	
Họ và tên	Nguyễn Ngọc Quý	Trần Đức Trung	Phạm Trung Kiên



**QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-05

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 2/12

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với tổ chức, cá nhân làm thủ tục đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

- Các đơn vị trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Thú y 2015;

Luật An toàn Thực phẩm 2010;

Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm;

Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;

Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;



**QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-05

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 3/12

Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử;

Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18/01/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Quyết định số 3489/QĐ-BNN-QLCL ngày 31/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về ATTP nhập khẩu đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Công văn số 36/TY-TTr, PC ngày 07/01/2022 của Cục Thú y về việc triển khai Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật;

Công văn số 2146/TY-TTr, PC ngày 13/11/2023 của Cục Thú y về việc xử phạt vi phạm hành chính;

Quyết định số 1049/QĐ-BNNMT ngày 23/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Quyết định số 1300/QĐ-BNNMT ngày 07/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI trực thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y.

Quyết định số 86/QĐ-CNTYV6 ngày 04/02/2026 Về việc ủy quyền cấp và thu hồi giấy chứng nhận về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, thông báo kết quả xác nhận an

	QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU		Mã số: V601-05
			Ngày ban hành: 15/4/2026
			Lần sửa đổi: 02
			Trang/Tổng số: 4/12

toàn thực phẩm nhập khẩu cho các Trạm Kiểm dịch động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)

Trong quy trình này, các từ viết tắt được hiểu như sau:

NĐ15: Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam

TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

TCCS: Tiêu chuẩn cơ sở

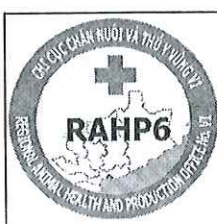
KQXN: Kết quả xét nghiệm

HS: Hồ sơ

Đơn vị kiểm dịch động vật: Các phòng/trạm thực hiện công tác kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu.

KDVĐV: Người làm công tác kiểm dịch, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm được Lãnh đạo Chi cục, Lãnh đạo các đơn vị kiểm dịch phân công.

Chủ hàng: Tổ chức, cá nhân làm thủ tục đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu.



**QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-05

Ngày ban hành: 15/4/2026

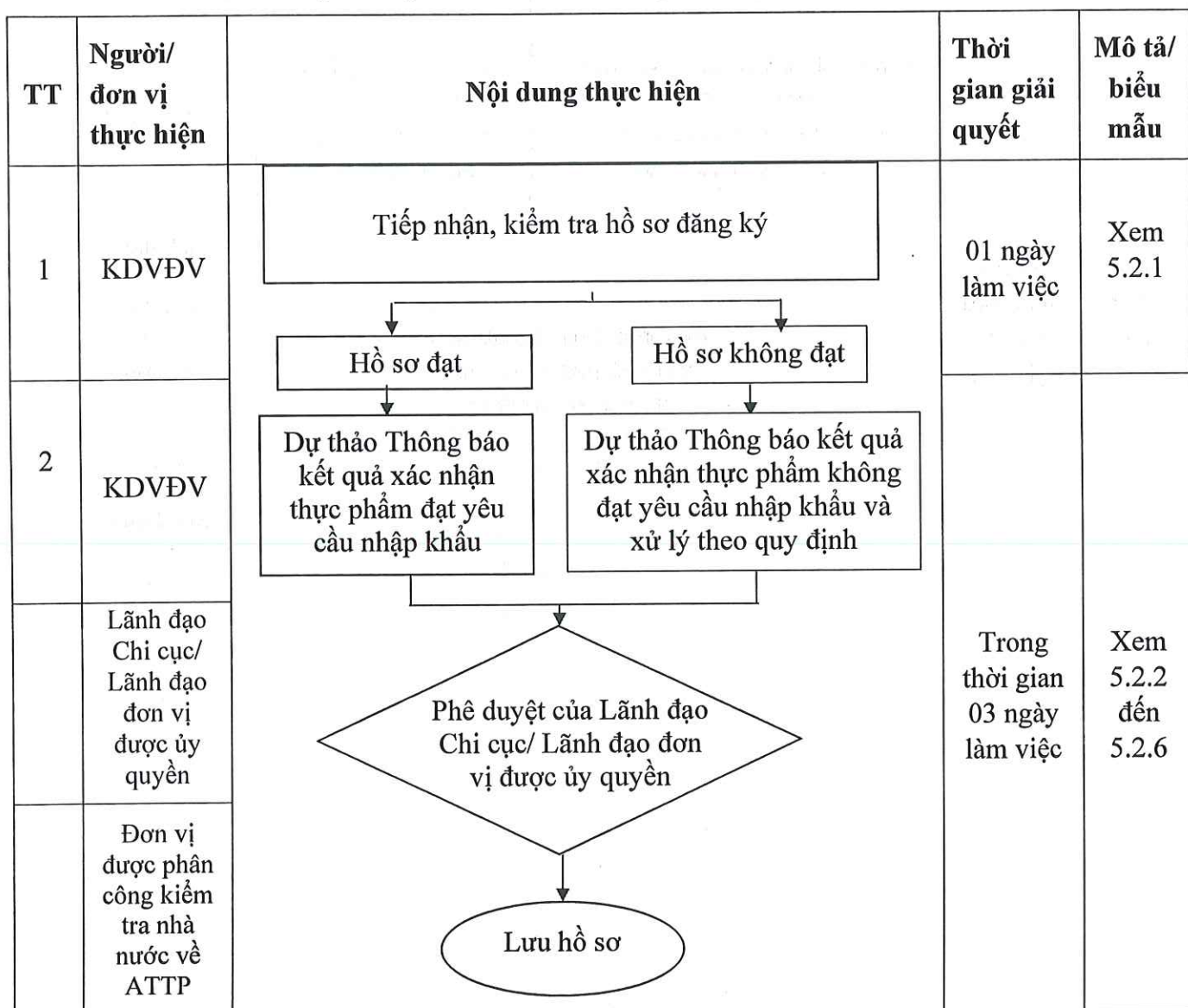
Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 5/12

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1. Lưu đồ

5.1.1. Đối với phương thức kiểm tra thông thường:



	QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU		Mã số: V601-05
			Ngày ban hành: 15/4/2026
			Lần sửa đổi: 02
			Trang/Tổng số: 6/12

5.1.1.1. Diễn giải lưu đồ

5.1.1.1.1 Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu

Trước hoặc khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản 2, Điều 18 NĐ15 đến đơn vị kiểm dịch hoặc Cổng thông tin Một cửa quốc gia phân hệ Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương (nếu đã áp dụng);

5.1.1.1.1.a. Hình thức nộp hồ sơ:

Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính.

5.1.1.1.1.b. Thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu:

Theo quy định tại khoản 2, Điều 18 NĐ15 gồm có:

a) Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định Mẫu số 4 Phụ lục I ban hành kèm theo NĐ15;

b) Bản tự công bố sản phẩm;

c) 03 (ba) Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu liên tiếp theo phương thức kiểm tra chặt đối với các lô hàng, mặt hàng được chuyển đổi phương thức từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường (bản chính);

d) Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing list);

đ) Trong trường hợp sản phẩm quy định tại Điều 14 NĐ15 thì phải có giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (bản chính), trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam.

e) Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có)

Trường hợp hồ sơ không đúng thành phần theo quy định thì công chức được phân công hướng dẫn chủ hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản hoặc hướng dẫn trực tiếp.



**QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-05

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 7/12

5.1.1.1.2. Kiểm tra hồ sơ và nội dung kiểm tra

Công chức thực hiện kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu, đối chiếu lô hàng, kiểm tra mặt hàng đăng ký có trong danh mục tại Phụ lục II Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký;
- Bản tự công bố;
- Packing list;
- Tờ khai Hải quan;
- 03 (ba) Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu liên tiếp theo phương thức kiểm tra chặt đối với các lô hàng, mặt hàng được chuyển đổi phương thức từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường (bản chính)
- Lưu ý kiểm tra: Tên hàng, mặt hàng khai trong tờ khai Hải quan, mã HS code theo Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT, các chỉ tiêu xét nghiệm, giới hạn tối đa của chỉ tiêu trong mặt hàng công bố phù hợp với QCVN, TCVN, tiêu chuẩn nhà sản xuất; phiếu KQKN ATTP các chỉ tiêu theo bản tự công bố.
- Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Trong trường hợp sản phẩm quy định tại Điều 14 NĐ15 thì phải có giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (bản chính), trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, công chức được phân công có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và dự thảo thông báo thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo NĐ15. Trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ thì phải nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu;

	QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU		Mã số: V601-05
			Ngày ban hành: 15/4/2026
			Lần sửa đổi: 02
			Trang/Tổng số: 8/12

5.1.2. Đối với phương thức kiểm tra chặt

5.1.2.1. Diễn giải lưu đồ

TT	Người/ đơn vị thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian giải quyết	Mô tả/ biểu mẫu
1	KDVĐV	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký	01 ngày làm việc	Xem 5.2.1
2	KDVĐV	Kiểm tra hồ sơ và lấy mẫu xét kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định Kết quả kiểm tra hồ sơ và kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm đạt, Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu Kết quả kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm không đạt, Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu và xử lý theo quy định		
	Lãnh đạo Chi cục/ Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền	Phê duyệt của Lãnh đạo Chi cục/ Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền	Trong thời gian 07 ngày làm việc	Xem 5.2.2 đến 5.2.6
	Đơn vị được phân công kiểm tra nhà nước về ATTP	Lưu hồ sơ		



**QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-05

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 9/12

5.1.2.1.1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu

Trước hoặc khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản 2, Điều 18 NĐ15 đến đơn vị kiểm dịch hoặc Cổng thông tin Một cửa quốc gia phân hệ Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương (nếu đã áp dụng);

5.1.2.1.1.a. Hình thức nộp hồ sơ:

Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính.

5.1.2.1.1.b. Thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 NĐ15 gồm có:

a) Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định Mẫu số 4 Phụ lục I ban hành theo NĐ15;

b) Bản tự công bố sản phẩm;

c) Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing list);

d) Trong trường hợp sản phẩm quy định tại Điều 14 NĐ15 thì phải có giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (bản chính), trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam.

đ) Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp hồ sơ không đúng thành phần theo yêu cầu theo quy định thì công chức được phân công hướng dẫn chủ hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản hoặc hướng dẫn trực tiếp.

5.1.2.1.2. Kiểm tra hồ sơ và nội dung kiểm tra

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan kiểm tra nhà nước có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định và ra thông báo thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo NĐ15. Trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ thì phải nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu.

a) Kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký:

Công chức thực hiện kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu, đối chiếu lô hàng, kiểm tra mặt hàng đăng ký có trong danh mục tại Phụ lục II Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban

	QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU	Mã số: V601-05
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 10/12

hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký;
- Bản tự công bố;
- Packing list;
- Tờ khai Hải quan;
- Lưu ý kiểm tra: Tên hàng: mặt hàng khai trong tờ khai Hải quan, mã HS code theo Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT, các chỉ tiêu xét nghiệm, giới hạn tối đa của chỉ tiêu trong mặt hàng công bố phù hợp với QCVN, TCVN, tiêu chuẩn nhà sản xuất); phiếu KQKN ATTP các chỉ tiêu theo bản tự công bố.

- Các giấy tờ khác liên quan (nếu có)

Trong trường hợp sản phẩm quy định tại Điều 14 ND15 thì phải có giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (bản chính), trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam.

- b) Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định

Việc thực hiện lấy mẫu thực hiện theo Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18/01/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

5.2. Phê duyệt thông báo thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu

a) Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, công chức được phân công dự thảo thông báo **thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu** theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo ND15, trình lãnh đạo Chi cục/ Lãnh đạo đơn vị xem xét, phê duyệt và trả thông báo cho chủ hàng.

b) Đối với phương thức kiểm tra chặt: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ và kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, công chức được phân công dự thảo thông báo **thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu** theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo ND15, trình lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị xem xét, phê duyệt và trả thông báo cho chủ hàng.

5.2.4 Xử lý lô hàng

Nếu kết quả kiểm tra lô hàng không đạt yêu cầu, công chức được phân công thực hiện các bước xử lý lô hàng theo quy định tại Điều 20 ND15 và các văn bản có liên quan.



**QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-05

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 11/12

Chủ hàng có trách nhiệm báo cáo cơ quan kiểm tra nhà nước theo quy định tại điều 20 ND15.

5.2.5. Phê duyệt của Lãnh đạo chi cục/ Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền

Căn cứ nội dung dự thảo Thông báo thực phẩm đạt/ không đạt yêu cầu nhập khẩu, Lãnh đạo Chi cục/ Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền thực hiện việc phê duyệt:

- Nếu đồng ý với dự thảo Thông báo thực phẩm đạt/ không đạt yêu cầu nhập khẩu thì Lãnh đạo chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt.

- Nếu không đồng ý với dự thảo Thông báo thực phẩm đạt/ không đạt yêu cầu nhập khẩu thì Lãnh đạo chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền cho ý kiến.

5.2.6. Phát hành Thông báo thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu hoặc quyết định xử lý lô hàng.

Sau khi Lãnh đạo chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt Thông báo thực phẩm đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu hoặc Quyết định xử lý lô hàng; đơn vị được giao kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm gửi thông báo thực phẩm đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu hoặc quyết định xử lý lô hàng cho chủ hàng.

Lưu hồ sơ theo quy định.

6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

- Bộ phận Một cửa chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo đơn vị về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký theo quy định pháp luật; Theo dõi, đôn đốc tiến độ xử lý hồ sơ và cảnh báo khi gần hết hạn.

- KDVDV được phân công tiếp nhận hồ sơ đăng ký an toàn thực phẩm chịu trách nhiệm trước Trưởng bộ phận Một cửa về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký an toàn thực phẩm theo quy định pháp luật.

- Phòng/ Trạm được phân công có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp thông báo thực phẩm đạt/ không đạt yêu cầu nhập khẩu do đơn vị mình thực hiện, chịu trách nhiệm tính hợp lệ của toàn bộ hồ sơ và nội dung chứng nhận an toàn thực phẩm.

- KDVDV trực tiếp xử lý hồ sơ chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Phòng, Trạm về kết quả giải quyết hồ sơ; Giải trình về lý do chậm trễ đối với từng hồ sơ cụ thể.

- Lãnh đạo Phòng, Trạm chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Chi cục về tính hợp lệ của toàn bộ hồ sơ; Giải trình về các trường hợp chậm trễ, vi phạm.

- Đối với hồ sơ quá hạn theo thời gian hẹn dự kiến trả kết quả, trong thời gian không quá 01 ngày kể từ ngày hết hạn, KDVDV xử lý dự thảo văn bản thông báo gửi lên BPMC

	QUY TRÌNH KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU		Mã số: V601-05
			Ngày ban hành: 15/4/2026
			Lần sửa đổi: 02
			Trang/Tổng số: 12/12

kèm theo văn bản xin lỗi và hẹn ngày dự kiến trả kết quả gửi tổ chức, các nhân theo mẫu. Lãnh đạo đơn vị ký văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo quy định.

7. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1. Hồ sơ chủ hàng nộp: - Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu (Mẫu 04 Phụ lục I ban hành theo NĐ15) - Bản tự công bố - 03 (ba) Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu liên tiếp theo phương thức kiểm tra chặt đối với các lô hàng, mặt hàng được chuyển đổi phương thức từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường (bản chính); - Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing list). - Trong trường hợp sản phẩm quy định tại Điều 14 NĐ15 thì phải có giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (bản chính), trừ trường hợp thủy sản do tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam. - Tờ khai Hải quan (nếu có). - Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có) 2. Hồ sơ đơn vị kiểm dịch quản lý lô hàng - Hồ sơ chủ hàng nộp - Thông báo thực phẩm đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu - Phiếu đề xuất hướng xử lý lô hàng (nếu có) - Công văn đề nghị xử lý lô hàng (nếu có) - Quyết định xử lý lô hàng (nếu có) - Các giấy tờ liên quan đến việc xử lý lô hàng (nếu có)	Phương pháp lưu Bản cứng trong các cặp file	Cơ quan	05 năm



